

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **67/2024/DS-ST**

Ngày 28/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Ngô Phiên

2. Ông Thân Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Quang Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLST- DS ngày 17/6/2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Triệu L, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đức T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1976 (vợ ông L); Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bà L1 ủy quyền cho ông Đinh Triệu L (văn bản ủy quyền ngày 21/5/2024)- Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (ông Đinh Triệu L) trình bày:

Do có quen biết từ trước, ngày 25/3/2017 anh [Vũ Đức T](#), sinh năm 1983; Địa chỉ: [Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) có đến nhà ông [L](#) để vay số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), ông [L](#) đồng ý. Khi cho vay hai bên lập văn bản giấy biên nhận vay tiền (đã giao nộp cho Tòa án kèm đơn khởi kiện), giữa hai bên không thỏa thuận về lãi suất nhưng có thỏa thuận thời hạn vay 20 ngày tính từ ngày 25/3/2017, hết thời hạn anh [T](#) phải thực hiện đúng cam kết trả toàn bộ số tiền đã vay cho ông [L](#). Tuy nhiên, đến nay đã nhiều năm ông [L](#) yêu cầu anh [T](#) trả tiền nhiều lần nhưng anh [T](#) không trả. Nay ông [L](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh [Vũ Đức T](#), sinh năm 1983; Địa chỉ: [Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang](#) phải trả ông [L](#) số tiền nợ gốc là: 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 15/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm và sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi anh [T](#) trả hết nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Do ông [L](#) không rõ cách tính vì vậy ông [L](#) đề nghị Tòa án tính giúp ông [L](#) số tiền cụ thể. Ngoài ra ông [L](#) không có yêu cầu nào khác.

Việc vay nợ này chỉ một mình anh [T](#) vay ông [L](#), ngoài ra không liên quan người khác, vì thế ông [L](#) chỉ yêu cầu một mình anh [T](#) trả tiền cho ông [L](#) như trên.

Bị đơn (anh [Vũ Đức T](#)): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh [T](#) vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập để anh [T](#) biết thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, tuy nhiên anh [T](#) vẫn vắng mặt tại Tòa án theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà [Phạm Thị L1](#)): Ủy quyền cho ông [L](#), đồng ý với ý kiến của ông [Đinh Triệu L](#)- chồng bà.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn chưa chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều: 463, 466, 469; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Đinh Triệu L](#).

Buộc anh [Vũ Đức T](#) phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông [Đinh Triệu L](#) và bà [Phạm Thị L1](#) số tiền còn nợ là 34.905.600đ (Ba mươi tư triệu chín trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng), trong đó tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 14.905.600đ (Mười bốn triệu chín trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng).

Về án phí: Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh [Vũ Đức T](#) phải chịu 1.745.300 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông [Đinh Triều L](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại ông [Đinh Triều L](#) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004987 ngày 13/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh [Vũ Đức T](#) là bị đơn đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai và đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng đương sự vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện của ông [Đinh Triều L](#) đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1 Ông [Đinh Triều L](#) và anh [Vũ Đức T](#) tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày 25/3/2017, được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu của ông [Đinh Triều L](#) yêu cầu anh [Vũ Đức T](#) phải trả số tiền vay gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thấy rằng: Ông [L](#) xác định sau khi ký kết hợp đồng vay tài sản ông [L](#) đã giao đủ cho anh [T](#) tổng số tiền là 20 triệu đồng, anh [T](#) đã nhận đủ tiền vay. Theo thỏa thuận thời hạn vay là 20 ngày, đến hạn ông [L](#) đã yêu cầu anh [T](#) thu xếp trả tiền cho ông [L](#) nhưng anh [T](#) không trả được cho ông [L](#) số tiền nào.

Đối với anh [T](#) đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án để làm việc cũng như không có văn bản, ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là tự tước bỏ đi quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho anh [T](#) được thực hiện, vì vậy hậu quả của việc anh [T](#) không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, anh [T](#) phải gánh chịu.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh thì tình tiết “một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của

cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Vì vậy, xác định việc anh T còn nợ của ông L số tiền vay gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là có căn cứ, cần buộc anh T phải có trách nhiệm thanh toán trả ông L, bà L1 số tiền này.

[2].3. Xét yêu cầu của ông Đinh Triều L yêu cầu anh Vũ Đức T phải trả số tiền lãi chậm trả phát sinh trên số tiền vay gốc 20 triệu đồng, tính từ ngày anh T chậm trả 15/4/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi anh T trả hết số tiền còn nợ cho ông L theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với số tiền anh T vay của ông L ở hợp đồng vay ngày 25/3/2017, trong hợp đồng thể hiện không tính lãi, thời hạn của hợp đồng là 20 ngày. Do đó xác định hợp đồng nêu trên là hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi suất.

Vì vậy, trong thời hạn của hợp đồng nêu trên không phát sinh tiền lãi. Hết thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng do anh T không thanh toán trả cho ông L được số tiền vay gốc và lãi nào. Trong quá trình giải quyết vụ án đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm các đương sự không có yêu cầu áp dụng các quy định về thời hiệu, nên anh T phải chịu lãi suất chậm trả trên số nợ gốc để thanh toán trả cho ông L tính từ sau ngày hết hạn thỏa thuận trong hợp đồng; cụ thể: Hợp đồng vay ngày 25/3/2017 anh T phải thanh toán lãi chậm trả tính từ ngày 15/4/2017. Lãi suất chậm trả được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/1 năm. Do đó, anh T phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quá hạn là 10%/1 năm tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ theo yêu cầu của ông L là từ ngày 15/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Số tiền lãi của hợp đồng vay được xác định cụ thể là:

+ Hợp đồng vay ngày 25/3/2017: Số tiền gốc 20.000.000đ, lãi tính từ ngày 15/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm: 28/9/2024 là 89 tháng 13 ngày, số tiền lãi là $\{(20.000.000đ \times 10\% \times 89 \text{ tháng} : 12 = 14.833.333đ) + (20.000.000đ \times 10\% : 12 \times 13 \text{ ngày} : 30 = 72.222đ)\} = 14.905.555đ$, làm tròn thành 14.905.600đ (Mười bốn triệu chín trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng).

Như vậy, số tiền anh T còn nợ của ông L tiền vay gốc, tiền lãi quá hạn của hợp đồng được xác định là: 14.905.600đ + 20.000.000đ = 34.905.600đ (Ba mươi tư triệu chín trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng). Số tiền ông L cho anh T vay là tài sản chung của vợ chồng ông L và bà L1, vì vậy cần buộc anh Vũ Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Đinh Triều L và bà Phạm Thị L1.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của ông Đinh Triều L được chấp nhận, vì vậy ông Đinh Triều L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Vũ Đức T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: 463, 466, 469; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông [Đinh Triều L](#).

Buộc anh [Vũ Đức T](#) phải có nghĩa vụ thanh toán trả ông [Đinh Triều L](#) và bà [Phạm Thị L1](#) số tiền còn nợ là 34.905.600đ (Ba mươi tư triệu chín trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng), trong đó tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi là 14.905.600đ (Mười bốn triệu chín trăm linh năm nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh [Vũ Đức T](#) phải chịu 1.745.300đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông [Đinh Triều L](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại ông [Đinh Triều L](#) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004987 ngày 13/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn

